

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo 6 tháng đầu năm 2021**

Thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2021; Công văn số 1697/SLĐT BXH-BTXH ngày 31/5/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo 6 tháng đầu năm 2021. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo 6 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn huyện như sau:

#### **Phần thứ nhất**

#### **TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Cấp huyện**

UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo như:

- Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021.

- Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 về việc giao chỉ tiêu trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2021.

- Kế hoạch 2076/KH-UBND ngày 08/4/2021 về việc thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2021.

- Kế hoạch số 2772/KH-UBND ngày 21/5/2021 về việc triển khai và thực hiện các nhiệm vụ truyền thông và giảm nghèo về thông tin năm 2021.

##### **2. Cấp xã**

- Sau khi tiếp thu các văn bản chỉ đạo của UBND huyện; các xã, thị trấn trên địa bàn đã triển khai lập kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2021 của địa phương mình; trong đó giao chỉ tiêu giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo đến từng thôn, phố, tổ dân phố; đồng thời giao nhiệm vụ cho các ngành, đoàn thể quan tâm, giúp đỡ các hộ nghèo phấn đấu thoát nghèo.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO

### 1. Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo 6 tháng đầu năm

*(Có Phụ lục kèm theo)*

### 2. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo chung và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo

#### 2.1. Hỗ trợ về y tế

- Cấp thẻ BHYT: Từ đầu năm đến nay, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng ban có liên quan phối hợp với các xã, thị trấn rà soát, lập danh sách mua thẻ BHYT cho người thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo. Cụ thể:

+ Số người thuộc hộ nghèo được mua BHYT: 1.363 người.

+ Số người thuộc hộ cận nghèo được mua BHYT: 6.137 người.

- Khám chữa bệnh: Trong 6 tháng đầu năm, Bệnh viện đa khoa huyện đã thực hiện khám chữa bệnh cho 291 bệnh nhân thuộc hộ nghèo với số tiền 253.923.352 đồng, 1.134 bệnh nhân thuộc hộ cận nghèo với số tiền 825.844.323 đồng.

#### 2.2. Hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Phòng Tư pháp huyện phối hợp cùng với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh và UBND các xã miền núi của huyện là các xã: Thọ Bình, Bình Sơn, Triệu Thành và Thọ Sơn tổ chức 8 cuộc trợ giúp pháp lý cho 1.350 người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

#### 2.3. Hỗ trợ tín dụng chính sách

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã thực hiện cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trong 6 tháng đầu năm với kết quả như sau:

- Cho 52 hộ nghèo vay vốn với số tiền 3.020.000.000 đồng, dư nợ đến tháng 6 năm 2021 là 1.311 hộ với số tiền 60.090.000.000 đồng.

- Cho 272 hộ cận nghèo vay vốn với số tiền 15.130.000.000 đồng, dư nợ đến tháng 6 năm 2021 là 2.411 hộ với số tiền 118.594.000.000 đồng.

#### 2.4. Hỗ trợ tiền điện:

Trong 6 tháng đầu năm, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp cùng với Phòng Tài chính - Kế hoạch và UBND các xã, thị trấn rà soát, thẩm định, hỗ trợ tiền điện cho 660 hộ nghèo (quý 1 và quý 2) với số tiền là 217.800.000 đồng.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

#### **1. Những ưu điểm:**

Công tác giảm nghèo được Đảng bộ, chính quyền huyện quan tâm và chỉ đạo ngay từ đầu năm; đã ban hành các văn bản chỉ đạo về Kế hoạch kinh tế xã hội và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 nhằm đạt được kế hoạch đề ra, trong đó có chỉ tiêu giảm nghèo năm 2021.

Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn đã quan tâm, chỉ đạo lập Kế hoạch công tác giảm nghèo năm 2021, triển khai hội nghị triển khai công tác giảm nghèo cho cán bộ, đảng viên. Giao cho cán bộ, tổ chức đoàn thể giúp đỡ, vận động hộ thoát nghèo.

#### **2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:**

##### **\* *Khó khăn, hạn chế:***

- Công tác xây dựng kế hoạch giảm nghèo tại các xã còn chậm, một bộ phận người nghèo và một số xã nghèo vẫn còn tư tưởng ỷ lại, thiếu quyết tâm vươn lên thoát nghèo, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Nguồn lực chi cho công tác giảm nghèo còn hạn chế, việc huy động nguồn lực tại chỗ để giảm nghèo ở địa phương còn khó khăn, trong khi sự hỗ trợ của cấp trên chưa đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của người nghèo, dẫn đến việc giúp người nghèo thoát nghèo bền vững là khó thực hiện được.

##### **\* *Nguyên nhân:***

+ Do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 dẫn đến việc sản xuất kinh tế của nhân dân bị ảnh hưởng, một bộ phận hộ nghèo tuy đã vươn lên thoát nghèo nhưng có nguy cơ tái nghèo cao.

+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, công tác tuyên truyền ở một số địa phương còn hạn chế; 1 bộ phận người dân còn dựa vào chính sách hỗ trợ của nhà nước để hưởng lợi.

### **Phần thứ hai**

#### **ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ giảm nghèo trong năm 2021. Trong 6 tháng cuối năm, huyện Triệu Sơn cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện một số nội dung sau đây:

#### **1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

1.1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp; đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo nhanh và bền vững theo chỉ đạo của tỉnh, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và các kế

hoạch, chỉ tiêu giảm nghèo, chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản để thực hiện Chương trình Giảm nghèo nhanh và bền vững của UBND huyện.

1.2. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm khơi dậy ý chí nỗ lực vươn lên và xóa bỏ tư tưởng trông chờ ỷ lại của hộ nghèo, hộ cận nghèo; coi đây là giải pháp then chốt, đột phá để giảm nghèo nhanh và bền vững.

1.3. Đẩy mạnh thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng Nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. Tạo điều kiện cho người nghèo về vốn, kiến thức khoa học, thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra, nhất là ở khu vực miền núi, v.v... Xác định phát triển sản xuất, dạy nghề, giải quyết việc làm là giải pháp trọng tâm để giảm nghèo nhanh và bền vững.

1.4. Tiếp tục chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nhằm thay đổi tập quán canh tác cũ, nâng cao trình độ thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

1.5. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hảo tâm và đóng góp của nhân dân; đảm bảo nguồn vốn tín dụng ưu đãi để hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

1.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với việc thực hiện chương trình, kế hoạch giảm nghèo nhanh và bền vững; gắn kiểm điểm việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo với kiểm điểm, đánh giá tập thể, cá nhân cán bộ, lãnh đạo quản lý hằng năm.

1.7. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai, thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; tuyên truyền, vận động nguồn lực giúp đỡ hộ nghèo phát triển kinh tế giảm nghèo bền vững; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào quyên góp ủng hộ Quỹ “*Vì người nghèo*”.

1.8. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “*Thanh Hóa chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” nhằm tôn vinh, khen thưởng, động viên kịp thời những tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác giảm nghèo và những gương sáng thoát nghèo điển hình, tiêu biểu.

## 2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 0,95%, tương ứng toàn huyện giảm 90 hộ nghèo (từ 1,10% cuối năm 2020, xuống còn 0,95% cuối năm 2021, số hộ nghèo dự kiến cuối năm 2021 còn 570 hộ). Cụ thể:

+ Khu vực thành thị: Giảm 6 hộ nghèo, tương ứng giảm 0,08%. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2021 còn 0,41%.

+ Khu vực nông thôn: Giảm 84 hộ nghèo, tương ứng giảm 0,22%. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2021 còn 1,02%.

- Không có tình trạng trẻ em không đi học, 100% khẩu cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế. Hộ nghèo có nhà ở kiên cố, đảm bảo diện tích tối thiểu 8m<sup>2</sup>/người trở lên. Các hộ nghèo có hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh; 100% hộ nghèo được tiếp cận dịch vụ thông tin truyền thông.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội biết và chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***

- Sở Lao động - TBXH (đề b/c);
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Trung**

**Phụ lục: Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên 06 tháng đầu năm 2021**  
(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTBXH ngày /6/2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

Số TT	Khu vực/ địa bàn	Tổng số hộ dân cư	Kết quả 6 tháng đầu năm							
			Hộ nghèo			Hộ cận nghèo				
			Số hộ nghèo đầu năm	Hộ phát sinh/ hộ tái nghèo	Hộ thoát nghèo	Số hộ nghèo đến 30/6/2021	Số hộ cận nghèo đầu năm	Hộ phát sinh/ hộ tái cận nghèo	Hộ thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo đến 30/6/2021
<b>Tổng cộng</b>		<b>60.024</b>	<b>660</b>			<b>660</b>	<b>3.190</b>		<b>155</b>	<b>3.035</b>
<b>I</b>	<b>Khu vực thành thị</b>	<b>7.337</b>	<b>36</b>			<b>36</b>	<b>224</b>			<b>224</b>
1	Thị trấn Nưa	2.788	5			5	103			103
2	Thị trấn Triệu Sơn	4.549	31			31	121			121
<b>II</b>	<b>Khu vực nông thôn</b>	<b>52.687</b>	<b>624</b>			<b>624</b>	<b>2.966</b>		<b>155</b>	<b>2.811</b>
1	An Nông	1.532	23			23	44			44
2	Bình Sơn	765	53			53	98			98
3	Dân Lực	2.157	4			4	57			57
4	Dân Lý	2.261	9			9	75			75
5	Dân Quyền	2.702	29			29	294			294
6	Đồng Lợi	1.801	2			2	185			185
7	Đồng Thắng	1.454	4			4	13			13
8	Đồng Tiến	2.076	7			7	70			70
9	Hợp Lý	1.563	26			26	77			77
10	Hợp Thắng	1.755	27			27	80			80
11	Hợp Thành	1.782	29			29	73			73
12	Hợp Tiến	1.110	11			11	45			45
13	Khuyến Nông	1.768	4			4	142			142
14	Minh Sơn	1.416	10			10	26			26
15	Nông Trường	1.680	7			7	56			56
16	Thái Hòa	2.245	19			19	191			191
17	Thọ Bình	2.238	102			102	120			120
18	Thọ Cường	1.230	7			7	35			35
19	Thọ Dân	1.852	28			28	103			103
20	Thọ Ngọc	1.876	20			20	48			48
21	Thọ Phú	1.409	17			17	95			95
22	Thọ Sơn	1.288	23			23	40			40
23	Thọ Tân	1.283	9			9	49			49
24	Thọ Thế	1.541	7			7	80			80
25	Thọ Tiến	1.624	15			15	97			97
26	Thọ Vực	1.237	6			6	56			56
27	Tiến Nông	1.362	7			7	49			49
28	Triệu Thành	1.681	50			50	370		155	215
29	Vân Sơn	1.999	36			36	114			114
30	Xuân Lộc	1.254	11			11	57			57
31	Xuân Thịnh	1.418	16			16	35			35
32	Xuân Thọ	1.328	6			6	92			92